

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế,

bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 06/TTr-SGTVT ngày 17/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 và sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: số 3 (trang 3); số 4 (trang 3); số 7 (trang 4); số 8 (trang 4); số 11 (trang 4); số 13 (trang 4); số 21 (trang 4); số 22 (trang 4); số 38 (trang 5); số 39 (trang 5); số 40 (trang 5); số 41 (trang 6); số 42 (trang 6); số 44 (trang 6) thuộc phần I, Danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính: số 1 (từ trang 18 đến hết trang 22); số 2 (từ trang 23 đến hết trang 27); số 5 (từ trang 37 đến hết trang 39); số 6 (từ trang 40 đến hết trang 44); số 09 (từ trang 55 đến hết trang 57); số 11 (từ trang 61 đến hết trang 63); số 19 (từ trang 102 đến hết trang 104); số 20 (từ trang 105 đến hết trang 107); số 36 (từ trang 169 đến hết trang 170); số 37 (từ trang 171 đến hết trang 173), số 38 (từ trang 174 đến hết trang 176), số 39 (từ trang 177 đến hết trang 178), số 40 (từ trang 179 đến hết trang 180), số 42 (từ trang 184 đến hết trang 186) thuộc phần II, Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính: số 1 (trang 3); số 2 (trang 3); thuộc Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Thay thế thủ tục hành chính: số 05 (trang 3); số 06 (trang 3); số 09 (trang 3); số 10 (trang 3); số 12 (trang 4); số 16 (trang 4); số 17 (trang 4); số 18 (trang 4); số 24 (trang 5); số 26 (trang 5); số 27 (trang 5); số 28 (trang 5); số 36 (trang 5); số 43 (trang 6) thuộc phần I, Danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính: số 03 (từ trang 28 đến hết trang 31); số 04 (từ trang 32 đến hết trang 36); số 07 (từ trang 45 đến hết trang 49); số 08 (từ trang 50 đến hết trang 54); số 10 (từ trang 58 đến hết trang 60); số 14 (từ trang 76 đến hết trang 80); số 15 (từ trang 81 đến hết trang 85); số 16 (từ trang 86 đến hết trang 90); số 22 (từ trang 113 đến hết trang 115); số 24 (từ trang 119 đến hết trang 121); số 25 (từ trang 122 đến hết trang 126); số 26 (từ trang 127 đến hết trang 131); số 33 (từ trang 161 đến hết trang 164); số 41 (từ trang 181 đến hết trang 182) thuộc phần II, Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Bãi bỏ thủ tục hành chính: số 24 (trang 5); số 25 (trang 5) thuộc phần I, Danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính: số 22 (từ trang 113 đến hết trang 115); số 23 (từ trang 116 đến hết trang 118) thuộc phần II, Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT.(KSTTHC)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý mới ban hành mới
1	1.013240	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Thực hiện nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.	Không có	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
2	1.013241	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Thực hiện nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.	Không có	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Tên TTHC mới	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm, cách thực hiện	Tên VBQPPL mới quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi đề nghị đến Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Thời hạn Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. - Thời hạn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra 	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân nộp: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ sở đào tạo lái xe; - Cơ sở đào tạo lái xe nộp: trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. 	<p>Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
2	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. - Trực tuyến: Cổng dịch vụ công tỉnh dichvucong.binhphuoc.gov.vn 	

3	1.001751	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	- Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo.	Không có	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. - Trực tuyến: Cổng dịch vụ công tỉnh dichvucong.binhphuoc.gov.vn
4	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo		- Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Không có	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
5	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo		- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không có	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
6	1.000004	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát		- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Không có	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục

		hạch lái xe loại 1, loại 2				vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
7	1.004998	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2		- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Không có	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
8	1.004995	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3		- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không có	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
9	1.004987	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe		- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe: 03 ngày làm việc kể từ	Không có	Nộp trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc văn bản điện tử cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

				ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
10	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
11	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	
12	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố	

		bị mất, bị hỏng	động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng			Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
13	2.002285	Đăng ký khai thác tuyển	Đăng ký khai thác tuyển vận tải hành khách cố định	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Nộp hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải
14	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Nộp trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
15	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Nộp trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
16	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Nộp trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân

		cho phương tiện của Lào	cho phương tiện của Lào			Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
17	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	Nộp trực tiếp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

STT	Mã số TTHC cũ	Tên thủ tục hành chính cũ	Mã số TTHC mới	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Địa điểm, cách thực hiện	Tên VBQPPL mới quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe						
2	1.001735	Cấp Giấy phép xe tập lái	1.001735	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo. 	Không	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành

								mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
3	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
4	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia						
5	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	
6	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia						

7	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước 	
8	2.002289	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải						

		hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)					
9	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng
10	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương					

		tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia					Xoài, tỉnh Bình Phước
11	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
12	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào					
13	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Không	- Nộp trực tuyến: Cổng dịch vụ công - Trực tiếp, dịch vụ bưu chính: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh. Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
14	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào					

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ
2	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	

** Ghi chú: Nội dung thủ tục hành chính cụ thể công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Bộ Giao thông vận tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (<https://dichvucong.binhphuoc.gov.vn>) theo quy định.*